

## THÀNH NGỮ CẢI BIẾN TRONG TRUYỆN NGẮN ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

ThS NGUYỄN THUY THÙY DƯƠNG

PGS.TS NGUYỄN VĂN NỞ

**Abstract:** Idioms, an important part in the vocabulary of a language, have the ability to work flexibly in various fields and demonstrate their richness and diversity through various manipulation of the users. Having many specific characteristics, short stories of the Mekong Delta are successful in achieving not only attractive topics, compelling details through skillful and unaffected use of idioms by the authors. This paper presents the results of a survey into the use of modified idioms (phonetic modification and lexical modification) in the Mekong Delta short stories. We also comment on their expressive values. Thereby, we can recognize the unique characteristics of the local people and the distinctive culture identity of the region.

**Key words:** *idiom, short story, Mekong Delta, modified.*

1. Về mặt cấu trúc hình thức của thành ngữ, các nhà nghiên cứu ngôn ngữ có quan niệm khá thống nhất. Ví như, theo Đái Xuân Ninh: “Thành ngữ là một cụm từ cố định mà các yếu tố tạo thành đã mất tính độc lập ở mức nào đó và kết hợp lại thành một khối tương đối vững chắc và hoàn chỉnh.” [10, 212]. Còn Hoàng Văn Hành: “Thành ngữ là một tổ hợp từ cố định, bền vững về hình thức cấu trúc, hoàn chỉnh, bóng bẩy về nghĩa, được sử dụng rộng rãi trong giao tiếp thường ngày, đặc biệt là trong khẩu ngữ.” [7, 27]. Nguyễn Văn Tu thì cho rằng: “Thành ngữ là cụm từ cố định mà các từ trong đó đã mất tính độc lập đến một trình độ cao về nghĩa kết hợp làm thành một khối hoàn chỉnh, vững chắc.” [14, 187-188]. Hồ Lê có cách diễn đạt sau:

“Thành ngữ là những tổ hợp từ bao gồm nhiều từ hợp lại có tính vững chắc về cấu tạo và tính bóng bẩy về ý nghĩa dùng để miêu tả một hình ảnh, một hiện tượng, một tính cách, một trạng thái nào đó.” [9, 97]... Qua một số quan niệm của các nhà nghiên cứu, về mặt cấu trúc hình thức, điểm chung gặp nhau ở đây là: Thành ngữ là một tổ hợp từ cố định, bền vững về hình thái cấu trúc.

Điều này hoàn toàn đúng. Tuy nhiên, trong thực tế vận dụng, sự cố định, bền vững về hình thái cấu trúc của thành ngữ chỉ mang tính tương đối. Hay nói khác đi, chúng không phải bất biến. Cũng giống như tục ngữ, khi giao tiếp, thành ngữ được vận dụng rất linh hoạt trong lời nói và xuất hiện chủ yếu dưới hai dạng:

- Vận dụng ở dạng tiêu thể, tức ở dạng thể hiện tiêu biểu mà ở đây chúng tôi gọi là nguyên dạng;

- Vận dụng ở dạng biến thể mà ở đây chúng tôi gọi là cải biến.

Khi vận dụng thành ngữ, người dùng, trong đó có các nhà văn, có thể sáng tạo lại trên cơ sở cấu trúc của thành ngữ vốn quen thuộc trong tri nhận của mọi người. Xoay quanh vấn đề này, các tác giả Nguyễn Đức Tồn, Nguyễn Thị Minh Phượng cũng đã đề cập khá rõ trong bài viết "*Hiện tượng biến thể và đồng nghĩa của thành ngữ tiếng Việt*" [16, 1-11]. Bài viết này khảo sát cách vận dụng thành ngữ cải biến trong tác phẩm của

nhà văn ở vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Ngữ liệu khảo sát từ kết quả thống kê qua một số tuyển tập truyện ngắn ở ĐBSCL. Cụ thể như: *Tuyển tập truyện ngắn đồng bằng sông Cửu Long 1975- 1995*, *Truyện ngắn miền Tây* (gồm 2 tập), *Văn & Thơ Cần Thơ* (2003), *Tuyển tập 18 nhà văn Đồng bằng sông Cửu Long* (2003) và tập truyện ngắn *Cánh đồng bất tận* của Nguyễn Ngọc Tư.

2. Qua khảo sát thành ngữ trong các tuyển tập đã nêu, chúng tôi thống kê được kết quả như sau: Tổng số thành ngữ được sử dụng là 636 với tần số xuất hiện là 804 lần. Trong đó:

Số lượng		Tần số sử dụng	
636		804	
Hán Việt	Thuần Việt	Nguyên dạng	Cải biến
61	575	640	164
9,6%	90,4%	80%	20%

Thành ngữ cải biến được các nhà văn vận dụng chủ yếu có các dạng sau: cải biến ngữ âm, cải biến từ vựng, cải biến cấu trúc và mượn ý thành ngữ.

### 2.1. Cải biến ngữ âm

Thành ngữ cũng như tục ngữ khi được vận dụng đều có xuất hiện hình thức cải biến ngữ âm. Điều này đã được chúng tôi đề cập trong bài viết *Tục ngữ, ngữ cảnh và hình thức thể hiện*: "Dạng cải biến này thực ra là do sự biến đổi ngữ âm khi người dùng bị ảnh hưởng bởi cách phát âm theo thói quen địa phương ở phong cách khẩu ngữ" [11, 56].

Khảo sát cách vận dụng thành ngữ trong những tuyển tập truyện ngắn ĐBSCL, chúng ta thấy hình thức cải biến ngữ âm thường xuất hiện ở phụ âm đầu và âm chính. Có thể xét những trường hợp cụ thể dưới đây.

#### 2.1.1. Cải biến phụ âm đầu

\* /z-/ → /l-/: *chết dần chết mòn*  
→ *chết lẩn chết mòn*. Thí dụ:

*Chết lẩn chết mòn như vậy sao chịu nổi. Nói trước cho anh Tư với anh Bảy hay, Tây đã yếu thế, núp oai Nhứt để hà hiếp dân mình.* (3, 388)

\* /n-/ → /z-/: *nay đây mai đó*  
→ *rày đây mai đó*. Thí dụ:

- *Con có đời con, cha có đời cha. Tôi không muốn vì mình mà con nó phải lụy. Với lại giang hồ rày đây mai đó vẫn hay. Có đi mới thấy cái đời của mình dài ra.* (1, 11)

Hoặc một số trường hợp khác:

\* /n-/ → /m-/: *nở mày nở mặt*  
→ *mở mày mở mặt*. Thí dụ:

- *Thực ra, ông không khó tính, chỉ phải tội buồn đời, buồn người, buồn*

thân phận bạc bẽo, quá nửa đời vẫn không được **mở mày mở mặt**. (3, 69)

\* /t-/ → /s-/: **túm đông túm đò** → **xúm đông xúm đò**. Thí dụ:

- Hai người đàn bà bầu chặt nhau, quay cuồng không ai biết đường mà can nữa. Đám con nít **xúm đông xúm đò**, có vẻ khoái chí tợn. (1, 673)

### 2.1.2. Cải biến âm chính

\* /i-/ → /ě-/: **nữ sinh** ngoại tộc → **nữ sanh** ngoại tộc; **sinh** nghề từ nghiệp → **sanh** nghề từ nghiệp; vào **sinh** ra tử → vào **sanh** ra tử... Thí dụ:

- Vì bất kì ở đâu hay nói với ai và cả với một mình, ba tôi cũng kể về vài ba câu chuyện rằng ông có một người đồng đội mà ông rất thương mến, anh ta có vợ và hai đứa con, anh ta còn mẹ già, anh ta đã chiến đấu anh dũng và hi sinh ra sao. Rồi những ngày hai người sống bằng nước lá, rau rừng, cùng vào **sanh ra tử**, từng nhường nhau tấm áo miếng cơm ra sao. (5, 221).

\* /iə-/ → /a-/: già nhân **nghĩa**, non vợ chồng → già nhân **ngãi**, non vợ chồng. Thí dụ:

- Lại cùng đi với một người đàn ông mà xem cung cách chiều chuộng cũng đoán biết đó là một cặp **già nhân ngãi non vợ chồng**. (3, 78)

\* /-ɣ-/ → /-x-/: tận **nhân** lực tri thiên mạng → tận **nhơn** lực mới tri thiên mạng; cứu **nhân** độ thế → cứu **nhơn** độ thế. Thí dụ:

- Không ít thầy đã phải bỏ guốc mà chạy. Giờ họ phong danh pháp sư cho chủ tôi và năn nỉ ông ra tay **cứu nhơn độ thế**. (3, 389)

\* /-ã-/ → /-ɣ-/: đang **nặng** cầm cày → đang **nặng** cầm **cây**; **nảy** lộc đâm chồi → **nảy** lộc **đâm** chồi. Thí dụ:

- Một cách không tự giác, cô chịu nhiều ảnh hưởng của ông, như cây lành gặp mảnh đất tốt, cứ lặng lẽ **nảy lộc đâm chồi**. (3, 185)

\* /-u-/ → /-wɣ-/: **phúc** bắt trùng lai → **phước** bắt trùng lai; làm ơn làm **phúc** → làm ơn làm **phước**. Thí dụ:

- Có lúc Xe Tăng muốn chạy vụt tới bên Ruồi, vượt ve nịnh nó, phủ phục van xin nó, **làm ơn làm phước** bạn ơi, tôi đói quá, sức sống đã cạn rồi, xin cho tôi một vắt cơm, hay một tô đi, một thau đi, tôi sẽ nhai, sẽ ngón, sẽ nuốt hết. (2, 46)

\* /-u-/ → /-ɣu-/: **cù** bơ **cù** bắt → **cầu** bơ **cầu** bắt. Thí dụ:

- Không thấy lão xuất hiện, bác Lâm rất lo sợ cho lão. Và đồng thế này thật là bất lợi cho những cuộc đời **cầu bơ cầu bắt**. (3, 216)

\* /-wɣ-/ → /-ɣ-/: nhẹ **tựa** lông hồng → nhẹ **tợ** lông hồng. Thí dụ:

- Không khí tang thương chùng xuống, cái chết bỗng **nhẹ tợ lông hồng**. Ai cũng tưởng mình đang ở rạp hát, quên cả ý tứ cần phải có khi mang bộ mặt đi đưa đám. (5, 66)

\* /-o-/ → /-u-/: chôn nhau **cắt rốn** → chôn nhau **cắt rún**. Thí dụ:

- Không, tôi về xóm Bàu Tiên. Tôi **chôn nhau cắt rún** ở đó mà. Ông anh có biết cô Út Chanh của 20 năm về trước, người bị mù vì một trái bom bi, cô gái đẹp nhất làng..? (5, 108)

- Phải, con Hồng Sơn không phải là con ruột của tôi. Hai Nhân thú nhận - Điều này tôi không giấu với ai hết.

*Có điều, tuy không phải là con ruột nhưng tôi đã nuôi nó từ trong bụng mẹ, tôi cắt rún chôn nhau nó, cho nên có khác gì là máu thịt của tôi phải không anh?* (3, 307)

Hình thức cải biến ngữ âm đã làm cho ngôn ngữ trong truyện ngắn ĐBSCL mang đậm màu sắc khẩu ngữ Nam Bộ và phần nào góp phần xây dựng hình tượng nhân vật.

## 2.2. Cải biến về từ vựng

### 2.2.1. Thêm từ vào thành ngữ

Ở đây, thành ngữ nguyên dạng sẽ được tác giả thêm một số từ cho phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp và mục đích của người viết. Nhờ các từ được thêm vào, thành ngữ cải biến trở nên có giá trị hơn về mặt biểu cảm, tăng tác dụng miêu tả một hình ảnh hay diễn đạt một vấn đề nào đó. Thực tế khảo sát cho thấy các tác giả thường có xu hướng thêm vào các phụ từ quan hệ hoặc từ chỉ mức độ cho thành ngữ cải biến.

Khi tác giả thêm từ vào thành ngữ cải biến, việc miêu tả đối tượng, hình ảnh trở nên cụ thể, chi tiết và sinh động hơn. Ở trường hợp này, thông thường, những từ được thêm vào là đối tượng đang được đề cập hoặc từ ngữ bổ sung cho đặc điểm, tính chất của đối tượng đã có sẵn trong thành ngữ nguyên dạng.

Thí dụ: *nghựa bất kham* → *nghư ghìm con ngựa bất kham*:

- *Chỉ có ông Mười là răn đe, dạy dỗ, ghìm nó như ghìm con ngựa bất kham.* (6, 82)

Trong ngữ cảnh này, thành ngữ *nghư ngựa bất kham* đã trở thành bộ

phận bổ ngữ cho các động từ *răn đe, dạy dỗ, ghìm*. Việc thêm vào một số từ đã góp phần miêu tả cụ thể thêm đối tượng, lúc này thì không ai không hiểu rằng “nó” (thằng Thảo) chính là một con ngựa bất kham rất khó răn đe, dạy dỗ.

- *Nhưng có điều quái dị là khi đứng trước người đã nhắm mắt xuôi hai tay tôi vừa thấy sự phù du lẫn trò hề. Bất giác tôi cảm thấy thương con người còn đi bằng hai chân trên mặt đất hơn.* (2, 113)

Thành ngữ *nhắm mắt xuôi tay* chỉ những người đã lìa đời, đã đi vào cõi chết. Khi tác giả cải biến *nhắm mắt xuôi tay* thành *nhắm mắt buông xuôi hai tay*, thêm vào một số từ ngữ miêu tả rõ hơn trạng thái của đối tượng, thì thành ngữ này đã làm cho suy nghĩ, cảm giác của nhân vật về người đã chết trở nên nhẹ nhàng hơn, gần gũi hơn, giảm đi sự đau thương mất mát và ma quái, ghê sợ. Điều này cũng phù hợp với cảm giác “thấy sự phù du lẫn trò hề”, “thương con người còn đi bằng hai chân trên mặt đất” và suy nghĩ ấy như một lời bộc bạch rất chân thành.

Bản thân thành ngữ nguyên dạng có thể truyền tải một nội dung ý nghĩa, tính chất, trạng thái, hoàn cảnh trọn vẹn. Thành ngữ cải biến bằng cách thêm từ sẽ giúp truyền tải trọn vẹn, cụ thể và nhấn mạnh hơn nữa những nội dung ý nghĩa, khái niệm, trạng thái, tính chất, hoàn cảnh nào đó theo mục đích riêng của tác giả. Thí dụ:

- *Về nghe ba. Còn luyện tiếc cái gì nữa. Họ lấy đất này rồi chia cho mình chỗ khác, có đôi đầu mà ba sợ...*

- Chia cái con khi... Chia có mấy công để vừa làm vừa chơi à... Cái đồ... **trúng đời khôn hơn vịt**. (5, 25)

Trong ngữ cảnh trên, sau khi nghe người con vừa năn nỉ vừa khuyên mình nên về, không nên luyến tiếc và đừng lo lắng,... người cha đã bực tức, đưa ra lí lẽ và dùng thành ngữ cái biển **trúng đời khôn hơn vịt** để mắng con. Việc thêm vào động từ **đòi** rất phù hợp ngữ cảnh này: người cha vừa mắng con mình hỗn xược vừa nhấn mạnh: tốt nhất là đưa con không nên nói gì nữa vì anh ta chẳng biết tính toán, lo xa gì cả.

- **Chị Hoài vừa đi vừa khóc. Lời của anh Hết làm chị Hào thương điếng trong lòng. Con người này, nghĩa biết trọng mà tình cũng thâm**. (1, 36)

Với việc thêm vào các phụ từ **mà, cũng** và động từ **biết** vào thành ngữ cái biển, tác giả đã tô đậm thêm tính cách rất trọng nghĩa, trọng tình của nhân vật Hết. Qua đó, chúng ta còn thấy được tình cảm yêu thương “**thương điếng trong lòng**” của nhân vật chị Hào dành cho anh Hết và sự trân trọng nhau, hiểu nhau đến tường tận giữa họ.

Đôi khi, cách thêm từ vào thành ngữ nguyên dạng sẽ giúp cho thành ngữ cái biển phù hợp hơn với lối nói chuyện, cách nhân ngữ điệu cần thiết của nhân vật hoặc lời dẫn truyện, lời miêu tả của tác giả trong một ngữ cảnh nhất định.

- **Thiệt giống như con mãng xà vương, văn kỳ thanh mà bất kiến kỳ hình. Nhưng lần này tính lại cho kỹ, từ hai chục năm nay, nó có lai vãng được hai lần. Lần sau, hồi tháng 4**

**năm 44, trước Nhật đảo chánh một năm.** (3, 375)

Ở đây, thành ngữ văn kỳ thanh mà **bất kiến kỳ hình** rất phù hợp với cách nói chuyện thích dùng những câu chữ Hán của người đồng bằng. Hơn nữa, nhờ phụ từ **mà** thêm vào, chúng ta có thể thấy được cách kể chuyện chậm rãi, thông thả nhưng rất lôi cuốn và hấp dẫn của người dân Tây Nam Bộ.

Ngoài ra, việc thêm từ vào thành ngữ cái biển còn làm cho sắc thái biểu cảm của thành ngữ nguyên dạng trở nên mới mẻ, mang những ngụ ý khác theo ý đồ riêng của người viết.

- **Mấy đứa bạn tôi chọc: “Mày có chồng hời nào mà có con lớn vậy?”. Hàng xóm ri tai nhau: “Tưởng gì quạ quạ mà nuôi tu hú”. Tôi ức lắm, cái sự tức tôi chà trút vào đầu được ngoài thẳng bé.** (1, 39)

Trong ngữ cảnh, đây là lời đàm tiếu của những người bạn, người hàng xóm của nhân vật “tôi” (cô bé) khi thấy cô quá vất vả với việc vừa đi học, vừa một tay vén khéo gia đình, vừa thay mẹ, thay cha nuôi một đứa con nít là con riêng của mẹ với người chồng sau. Với cách cái biển **quạ quạ mà nuôi tu hú** thành **quạ quạ mà nuôi tu hú**, câu đàm tiếu của hàng xóm càng có giá trị hơn nữa. Bản thân **quạ quạ mà nuôi tu hú** đã là một việc làm nghịch lí, vô ích, một trò cười cho thiên hạ, nên khi thêm phụ từ **mà** vào thành ngữ nguyên dạng này, lời châm chọc này càng được nhấn mạnh thêm, giá trị biểu cảm cao hơn, thể hiện thái độ coi thường, giễu cợt của hàng xóm dành cho cô bé, phù hợp với từ **tưởng gì** ở đầu câu nói.

Cách thêm từ mới vào thành ngữ nguyên dạng đã giúp cho thành ngữ cải biến nhấn mạnh thêm hoặc cụ thể hóa một số sắc thái ý nghĩa, sắc thái cảm xúc nào đó và phù hợp với lối nói chuyện, ngữ điệu của người dân vùng ĐBSCL.

### 2.2.2. Lược bớt từ trùng thành ngữ nguyên dạng

Tùy từng trường hợp, người viết có thể lược bớt một số từ cho phù hợp với ngữ cảnh hoặc đặc điểm lời nói, ngụ ý của nhân vật. Đó thường là những thành ngữ có nhiều vế hoặc có sự lặp lại một bộ phận nào đó trong thành ngữ.

\* Lược bớt một số từ ngữ cho phù hợp với mạch văn của ngữ cảnh cụ thể

Đối với cách cải biến này, tác giả sẽ lược đi một vài từ trong thành ngữ nguyên dạng nhằm vừa làm gọn thành ngữ, vừa phù hợp với yêu cầu diễn đạt của từng ngữ cảnh. Chẳng hạn:

*sinh li từ biệt* → *từ biệt*

*chọc gậy bánh xe* → *chọc gậy*

*thất thập cổ lai hi* → *cổ lai hi*

*nghèo rớt mùng tơi* → *rớt mùng tơi*

Xét ngữ cảnh sau:

*Không hiểu sao lần có thai này Tâm cảm thấy khó khăn, vất vả gấp bội so với lần có thai Bào Trân, đứa con gái đầu lòng. Ngờ chi trải qua một hai tháng đầu ốm nghén, không hề mỏi đến nay Tâm vẫn **ăn ngủ không ngon**, luôn cảm thấy **bực dọc, bức bối, sức khỏe hao mòn dần** trong khi cái thai mỗi lúc một nặng nề hơn.* (3, 415)

Để tránh việc phải diễn tả dài dòng, trọn vẹn thành ngữ *ăn không ngon, ngủ không yên* vào một ngữ cảnh mà nhân vật đang trong tâm trạng *bực dọc, bức bối* và tình trạng *khó khăn, vất vả, sức khỏe hao mòn dần*, cần phải trút hết sự bức bối đó trong dòng cảm xúc tuôn chảy mạnh mẽ, tác giả Nguyễn Thị Thanh Ngọc đã lược bớt đi một vài từ trong thành ngữ gốc nhằm làm cho mạch văn thêm nhanh, mạnh, gấp gáp. Thế nên, ở đây, thành ngữ cải biến *ăn ngủ không ngon* được sử dụng là hết sức hợp lý và khéo léo.

\* Lược bớt những từ trùng nhau trong thành ngữ ẩn dụ hóa đối xứng

Nói về thành ngữ ẩn dụ hóa đối xứng, Hoàng Văn Hành chia loại này thành 4 kiểu. Với kiểu thứ tư, ông nhận định: “AB biểu trưng hóa hội nghĩa tuyến đắp đôi (khi thì A khi thì B, A thế này B thế kia đắp đôi nhau). Đây là cơ cấu nghĩa của những thành ngữ như *tiếng một tiếng hai, tiếng bắc tiếng chi, điều ra tiếng vào, điều ong tiếng ve, mắt tròn mắt dẹt...* (7, 67)

Phát huy hết tác dụng của kiểu thành ngữ đặc biệt này, các tác giả ĐBSCL đã vận dụng chúng vào các tác phẩm của mình một cách rất nhuần nhuyễn: khi cần, chúng được lược bớt đi yếu tố lặp lại trong thành ngữ gốc, như: *nở mặt nở mày* → *nở mặt mày*; *nên vợ nên chồng* → *nên vợ chồng*; *trái tính trái nết* → *trái tính nết...* Thí dụ:

- *Tại tao thương đào Hồng Điệp quá nên mới theo gánh hát chứ tao có biết hát hò gì đâu, nhưng rồi cố gắng tập tành tao cũng hát được, và*

*khi được hát chung với đào Hồng Diệp, tao hát hay hơn gấp bội. Chuyện của tao coi bộ cũng xuôi chèo mát mái lắm, biết đâu lúc thành đào chánh kếp chánh rồi cũng nên vợ chồng, nào ngờ trúng nhâm gánh hát mắc dịch chưa chi đã rã banh. (3, 572)*

Nhằm thuật lại mối tình bất thành và không duyên, không nợ giữa nhân vật Sáu Dương si tình, vô danh tiểu tốt và cô đào Hồng Diệp tài sắc vẹn toàn, tác giả Lê Văn Thảo đã để cho nhân vật Sáu Dương kể lại câu chuyện tình yêu ấy một cách nhanh gọn trong nỗi buồn tủi. Thế nên, thành ngữ hội nghĩa tuyến đố *ên vợ ền chồng* đã được sử dụng theo đúng ý đồ của tác giả: lược bỏ bớt đi phần từ ngữ lặp lại, và biến nó thành *ên chồng vợ*.

\* Lược bớt một bộ phận hoặc một vế trong thành ngữ nhằm thể hiện được ngụ ý hay ý đồ của tác giả

Không diễn đạt đầy đủ, trọn vẹn thành ngữ, đôi khi trong những ngữ cảnh có vấn đề hoặc cần thể hiện một mục đích, ẩn ý nào đó, nhà văn cũng đã lược bớt đi một bộ phận hoặc một vế trong thành ngữ. Hơn nữa, với cách lược bớt như thế, tác giả sẽ tạo ra được những khoảng trống thú vị cho người đọc tự suy nghĩ, tìm hiểu.

Xét ngữ cảnh cụ thể:

- *Thúy te tát mắng tôi ngu dại coi chừng cô nàng nhày xổ vào thế chân thì đừng tiếc và Bảy Bếp được dịp nhúng đũa trẻ: đũa mốc dăm chòi, sao không ăn đại một miếng biết mùi rồi hăng chạy, cô em? (3, 409)*

Trong ngữ cảnh trên, thành ngữ nguyên dạng *đũa mốc dăm chòi mâm son* được tác giả lược bớt thành *đũa*

*mốc dăm chòi* nhằm phê phán những người đua đòi, ham muốn những thứ ngoài khả năng có thể có của mình. Ở đây, nhân vật chị Bảy Bếp chỉ trích việc “trèo cao” của nhân vật nữ “tôi” bằng cụm đầu thành ngữ nhằm ám chỉ nhân vật tôi là *đũa mốc* mà dám đua đòi, dám với tới “thứ cao hơn”. Tuy “thứ cao hơn” ấy không được nói cụ thể ra nhưng chỉ cần đọc lên thành ngữ khuyết đó, người đọc cũng đủ biết chị Bảy Bếp muốn ám chỉ nhân vật nữ đang mơ tưởng đến nhân vật nam nào trong tác phẩm. Như vậy, chỉ bằng cách sử dụng một bộ phận của thành ngữ, Dạ Ngân cũng đã gợi cho người đọc biết được nội dung ý nghĩa mà tác giả muốn viết. Không đem *đũa mốc* lên bàn cân với *mâm son* xem bên nào hơn bên nào, nhưng nói đến *đũa mốc dăm chòi* chính là ngầm giễu *đũa mốc dăm chòi mâm son*.

2.2.3. Thay thế từ trong thành ngữ nguyên dạng

Thông thường, từ mà các nhà văn ĐBSCL thay thế vào thành ngữ nguyên dạng là những từ ngữ khác mang ý nghĩa tương đương hoặc những từ địa phương mang màu sắc Nam bộ cũng như các hình ảnh quen thuộc, gần gũi nơi miệt vườn sông nước Cửu Long.

\* Thay thế bằng một từ khác có nghĩa tương đương (hoặc cùng trường nghĩa), như: *năm thì mười họa* → *năm thuở mười thì, gạo trắng nước trong* → *cơm trắng nước trong; năm bè bảy mối* → *năm phe bảy phái; điều quân khiển tướng* → *điều binh khiển tướng; thanh sắc vẹn toàn* → *thanh sắc lưỡng toàn; công danh tiền tài* → *tiền tài danh vọng, tiền tài sự nghiệp...* Thí dụ: Ngữ cảnh cụ thể như:

- Tôi không thể nào ngờ được. Trong khi thiên hạ sẵn sàng đập lên nhau để đuổi theo **tiền tài danh vọng** thì anh lại dốc lòng "trà ơn cho quá khứ. (4, 263)

- Mấy hôm sau thì má tôi qua đời. Má tôi chết, đôi mắt không nhắm kín. Lúc đó tôi mới hai mươi bốn tuổi, chưa có **tiền tài sự nghiệp**, nên chẳng lo cho mẹ mình sung sướng được một ngày. (2, 200)

- Hàng năm, vào ngày giỗ của má tôi, tôi về trong tâm trạng lạ lùng: Tôi rũ sạch những **công danh tiền tài** có được để đứng trước bàn thờ của má tôi với tâm hồn trinh nguyên tự thưở nào của thằng Nghĩa - con của má. (2, 200)

Ở ba thí dụ trên, cả ba thành ngữ nguyên dạng lẫn cải biến: **tiền tài danh vọng**, **tiền tài sự nghiệp**, **công danh tiền tài** đều chỉ về những thứ của cải phù du nằm bên ngoài bản thân con người, có cái là vật chất, nắm bắt được (tiền tài), nhưng cũng có những cái là thứ phi vật chất (danh vọng, sự nghiệp, công danh). Những cái vật chất lẫn phi vật chất này đều không phải là giá trị thật sự của một con người, sẽ đến và đi nhanh chóng nếu con người không biết nắm giữ. Tùy vào từng ngữ cảnh, các tác giả đã sử dụng những thành ngữ một cách khéo léo.

So sánh hai trường hợp:

- Tôi ung dung có lời đoán định và lời khuyên như một bàn cờ tôi sắp và **điều quân khiển tướng** không chút vấp vấp, rồi đầu lại vào đây. Mọi người coi tôi là thánh sống. (2, 111)

- Tuy có bị thời gian phủ lên lớp rêu già cỗi, song nó vẫn là ngôi nhà.

Hơn thế, một ngôi nhà có được là do **tài điều binh khiển tướng** của ông! Tôi chỉ thắc mắc không rõ ông chữa cho cô Dậm bằng thuốc hay bằng bùa? (4, 175)

Cả hai thành ngữ **điều binh khiển tướng** và **điều quân khiển tướng** đều có ý nghĩa như nhau, **quân** cũng là **binh**. Chỉ bằng thành ngữ 4 âm tiết, cả hai tác giả Phạm Thị Ngọc Diệp và Phạm Thường Gia đã có thể miêu tả tài năng đặc biệt của hai nhân vật (người đàn ông mặc áo nâu biết trước tương lai và thầy Năm Mọi chuyên trừ tà diệt quỷ, chữa bách bệnh) một cách ngắn gọn, dễ hiểu và thể hiện nhiều xúc cảm thú vị.

\* Thay thế bằng từ địa phương có nghĩa tương đương

Bên cạnh việc thay thế từ có nghĩa tương đương vào thành ngữ, việc thay thế từ địa phương có nghĩa tương đương vào thành ngữ vẫn bảo đảm giữ được nguyên vẹn nội dung ý nghĩa của thành ngữ nguyên dạng. Chính những từ địa phương đã góp phần làm cho tác phẩm mang đậm dấu ấn Nam Bộ nói chung cũng như vùng ĐBSCL nói riêng. Chẳng hạn: **chí thú làm ăn** → **chí thú mần ăn**; **hàng xóm như bát nước đầy** → **chòm xóm như bát nước đầy**. Thí dụ:

- Nhưng nó về đó mà như diên diên khùng khùng, chẳng chịu **chí thú mần ăn**. Việc ruộng vườn là nghề nghiệp của ông cha mà nó chẳng chút ưa thích. (5, 23)

- Có gì đâu anh Bảy. Tôi đâu khi dễ anh. Hồi nào tới giờ, mình sống có nhau, **chòm xóm như bát nước đầy**... (3, 390)



\* Thay thế bằng một từ khác theo dụng ý nghệ thuật của tác giả

Nhằm diễn đạt, miêu tả một hình ảnh, một trạng thái, tính chất, hoàn cảnh nào đó theo dụng ý nghệ thuật riêng của mình, tùy vào từng ngữ cảnh, các tác giả lại dụng công, lựa chọn từ sao cho phù hợp: *nằm bờ ngủ bụi* → *nằm hầm ngủ bụi*; *túi tham không đáy* → *túi tham hang núi*; *cày thuê cuốc mướn* → *đào thuê vác mướn*; *bước thêm bước nữa* → *đi mấy bước nữa*...

Xét thí dụ:

*Rất nhiều bạn bè trong cơ quan đã nhìn chệch trộm trộm:*

- *Thằng con trai lớn xộn vậy mà nó cứ giống như "gái một con trông mòn con mắt". Mà có đi mấy bước nữa cũng được, ai mà ngờ.* (3, 597)

Qua thành ngữ cải biến *đi mấy bước nữa*, chúng ta thấy câu nói là những lời khen chân tình khẳng định vẻ đẹp và giá trị của nhân vật. Hơn nữa, với cách dùng thành ngữ như vậy, cái nhìn cởi mở, cảm thông, phóng khoáng, dễ chịu trong nếp sống nếp nghĩ của người dân miệt vườn sông nước cũng được thể hiện rõ.

#### 2.2.4. Đào trật tự cấu trúc

Hình thức cải biến này thông thường được thực hiện với những thành ngữ có quan hệ đẳng kết, thường thấy ở hai hình thức:

##### 2.2.4.1. Hoán đổi giữa hai vế

- *chôn nhau cắt rốn* → *cắt rốn chôn nhau*; *gạo châu củi quế* → *củi quế gạo châu*; *đầu ghènh cuối bãi* → *cuối bãi đầu ghènh*; *cùng trời cuối đất* → *cuối đất cùng trời*; *mai danh ả tích* → *ả tích mai danh*... Thí dụ:

- *Chú Tư đặng từng nghĩ: ắt thầy là người khai sáng một thứ Đạo gì đó, chẳng qua "Phong vân chưa gặp hội" nên còn ả tích mai danh, chưa có mặt cứu đời.* (1, 157)

Với cách hoán đổi toàn khối giữa hai vế, thành ngữ sẽ rất phù hợp với yêu cầu cần diễn đạt mà không chịu ảnh hưởng của sự biến nghĩa. Đồng thời, khi nhà văn sử dụng cách cải biến này, thành ngữ sẽ dễ dàng hòa vào lời nói của nhân vật, không làm ảnh hưởng đến ngữ điệu của lời thoại, lời kể.

2.2.4.2. Giữ nguyên khung kết cấu ngữ pháp của hai vế và chỉ hoán vị các từ đối ứng nhau theo từng cặp được đan chéo giữa hai vế:

- *chân lấm tay bùn* → *tay lấm chân bùn*; *chửi chó mắng mèo* → *mắng chó chửi mèo*; *suy hơn tính thiệt* → *suy tính thiệt hơn*; *ăn nên làm ra* → *làm nên ăn ra*;... Thí dụ:

- *Là chỗ bạn nhậu ngày trước với nhau, nay làm nên ăn ra, thỉnh thoảng anh ta cũng mời tôi ra ngoài ô làm một chầu tới bến.* (5, 193)

Ngoài việc bảo đảm tính cân đối, nhịp nhàng, đối xứng về mặt cấu trúc và về mặt nội dung ý nghĩa của thành ngữ, biện pháp đảo trật tự cấu trúc đã làm cho câu văn trở nên uyển chuyển và pha chút thú vị, mới lạ.

2.2.4.3. Vừa hoán vị trật tự hai vế, vừa thay từ trong thành ngữ:

- *ình nghĩa mặn nồng* → *mặn tình mặn nghĩa*; *thành chồng thành vợ* → *thành vợ thành duyên*; *hoa đồng cỏ nội* → *huong gió đồng nội*; *vò đầu bút tóc* → *bút đầu gãi tóc*.

Thí dụ:

- Ông Tư kè chiếc xuống vô sau, đậm chân đậm cẳng **bứt đầu gãi tóc** như thể mình vừa lỡ tay làm nên cơn giông chiều nay. (6, 18)

Trong cách hoán đổi này, những từ ngữ được thay thế là những từ ngữ cùng trường nghĩa hoặc gần nghĩa với những từ ngữ trong thành ngữ nguyên dạng. Chính vì vậy, biện pháp này vừa đảm bảo được nội dung ý nghĩa của thành ngữ nguyên dạng, vừa tạo nên hiệu quả biểu đạt đặc sắc.

Cả ba cách đảo trật tự các từ trong thành ngữ đã tạo nên những ấn tượng thẩm mỹ mới lạ cho ngữ điệu câu văn. Qua đó, chúng ta có thể thấy được sự đa dạng, phong phú của ngôn ngữ tiếng Việt nói chung, thành ngữ nói riêng và cái hay của các nhà văn khi đưa thành ngữ vào trong sáng tác của mình.

### 2.2.5. Mượn ý thành ngữ

Ở dạng cải biến này, nhà văn không sử dụng thành ngữ nguyên dạng mà chỉ mượn ý của nó và triển khai theo cách viết riêng của mình hoặc phong cách khẩu ngữ Nam Bộ.

#### 2.2.5.1. Mượn ý thuận chiều

Với biện pháp cải biến này, nhà văn sẽ mượn ý thuận chiều để diễn đạt lại thành ngữ theo phong cách khẩu ngữ đúng với nội dung ý nghĩa của thành ngữ nguyên dạng: *chết không nhắm mắt* → *chết, đôi mắt không nhắm kín*; *manh như trâu* → *quật ngang ngựa như trâu nước*; *chết đuối vớ được cọc* → *sắp chết đuối vớ được mảnh ván thuyền*; *chịu đấm ăn xôi* → *muốn ăn xôi phải chịu đấm*; *chửi cho tắt bếp* → *chửi cho vàng cây héo lá*;

*nửa cười nửa muốn* → *nửa muốn tức cười, nửa muốn gào lên khóc*;... Thí dụ:

- Trong cảnh sống khôn khổ, người ta mới phát huy hết những kĩ năng tiềm ẩn; nửa tay áo này cồng với vài bọc nilông, chúng có thể nấu chín được năm sáu nồi com. Nhìn thấy cái áo trên người của bạn, Xe Tăng bỗng liên tưởng đến ông Táo, nó **nửa muốn tức cười, nửa muốn gào lên khóc**. (2, 44)

Với vẻ hóm hỉnh, việc sử dụng thành ngữ cải biến *nửa muốn tức cười, nửa muốn gào lên khóc* đã diễn tả trạng thái cảm xúc nhiều mâu thuẫn nhưng hợp lí: thấy Ruồi mặc chiếc áo bị cắt bán mất một tay áo, nhân vật Xe Tăng vừa mặc cười vì bộ dạng ấy, vừa thương xót cho bạn mình.

*Chết đuối vớ phải bọt* → *sắp chết đuối thấy được bong bóng nước*:

- Tôi chợt nhớ mình có một người bạn hiện đang làm giám đốc xí nghiệp đóng tàu cho Sở Thủy sản. **Như kẻ sắp chết đuối thấy được bong bóng nước**, tôi liền lấy giấy viết cho bạn tôi một lá thư, trao cho ông già. (4, 151)

Thành ngữ *chết đuối vớ phải bọt* thường nói đến tình huống khi người ta lâm vào hoàn cảnh ngặt nghèo, bỗng nhiên gặp một cơ hội đến, nhưng cơ hội ấy rất nhỏ nhoi và chẳng có tác dụng gì. Mượn ý từ thành ngữ ấy, Đoàn Giỏi đã sáng tạo nên một thành ngữ cải biến *Như kẻ sắp chết đuối thấy được bong bóng nước*, diễn tả được một cách sinh động hoàn cảnh khó khăn nan giải và tâm trạng của nhân vật tôi trước một cơ hội để giải quyết vấn đề, dù nó chỉ là một hi vọng mong manh.

## 2.2.5.2. Mượn ý nghịch chiều

Trên cơ sở nội dung ý nghĩa của thành ngữ gốc, tác giả diễn đạt lại thành ngữ theo nội dung ý nghĩa ngược lại. Với cách cải biến này, tác giả sẽ tạo nên những thành ngữ mới lạ, thú vị.

Chẳng hạn như: *com no áo ấm* → *com không no, áo không lành*.

Xét trường hợp: *gừng cay muối mặn* → *muối thì mặn, gừng thì cay* / → *gừng chưa kịp cay, muối chưa kịp mặn*:

- *Và chưa hết râm rít từ chuyện bài báo của người cựu chiến binh Mỹ thì chính người lữ khách đi chuyến đò muôn nhiều nay đã vô tình làm lòng ông như bị vò trong ót. Muối thì mặn, gừng thì cay. Nhưng đời ông thì gừng chưa kịp cay, muối chưa kịp mặn. Một tiếng quốc nào gọi nói lòng ông.* (5, 111)

Thông thường, gừng thì phải cay, muối thì phải mặn và người ta dùng hai hình ảnh này để đúc kết nên thành ngữ *gừng cay muối mặn* để chỉ những thành quả có được từ gian khó của cuộc đời. Tuy nhiên, qua một nghịch lí trong tự nhiên, nhà văn đã tạo nên thành ngữ *gừng chưa kịp cay, muối chưa kịp mặn* và diễn tả rất sinh động cái đau đớn, xót xa đang dâng lên trong lòng nhân vật.

Qua khảo sát những tuyển tập truyện ngắn ĐBSCL, chúng ta thấy những thành ngữ cải biến bằng cách mượn ý (thuận chiều và nghịch chiều) thành ngữ nguyên dạng thật phong phú. Chúng trở thành những thành ngữ rất riêng, độc đáo được sáng tạo

nên từ cái nhìn tinh tế và ngòi bút sáng tạo của các tác giả. Đa số những thành ngữ dạng này đều được đặt trong lời thoại của nhân vật và thể hiện một cách khéo léo dòng suy nghĩ, cách nhìn nhận cuộc sống, kinh nghiệm bản thân và lối nói chuyện của từng nhân vật. Hơn thế, người viết đã tạo nên những thành ngữ mang đậm phong cách khẩu ngữ Nam Bộ của những con người mộc mạc, chất phác, giàu nghĩa tình vùng ĐBSCL.

3. Tóm lại, cách vận dụng thành ngữ cải biến trong sáng tác của các nhà văn vùng đồng bằng sông Cửu Long khá phong phú và đa dạng. Hình thức cải biến thành ngữ vừa tạo ra những biến tấu về phương diện cấu trúc hình thức vừa có biến tấu về nội dung ý nghĩa. Mỗi cách diễn đạt, cách vận dụng đều không đơn thuần là chuyện hình thức mà còn phản ánh cả mặt nội dung ý nghĩa. Điều quan trọng là những thành ngữ cải biến này dù ở phương diện nào thì chúng cũng lấp lánh chất phù sa của vùng sông nước Cửu Long, góp phần quan trọng để tạo nên một vẻ riêng trong nghệ thuật vận dụng ngôn từ của các nhà văn Nam Bộ.

## NGŨ LIỆU TRÍCH DẪN

1. Ban liên lạc Hội Nhà Văn Việt Nam tại Đồng bằng sông Cửu Long, *Tuyển tập 18 nhà văn Đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Mũi Cà Mau, 2003.

2. Hội Nhà văn Việt Nam, *Tuyển tập truyện ngắn đồng bằng sông Cửu Long 1975-1995*, Nxb Hội Nhà văn, H., 1996.

3. Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Cần Thơ, *Văn & Thơ Cần Thơ*, Nxb Cần Thơ, Cần Thơ, 2003.

4. Nhà xuất bản Trẻ, *Truyện ngắn miền Tây* (tập 1), Nxb Trẻ, TP HCM, 1999.

5. Nhà xuất bản Trẻ, *Truyện ngắn miền Tây* (tập 2), Nxb Trẻ, TP HCM, 1999.

6. Nguyễn Ngọc Tư, *Cánh đồng bất tận*, Nxb Trẻ, Tp. HCM, 2010.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu, *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb GD, H., 1981.

2. Nguyễn Đức Dân, *Ngữ nghĩa thành ngữ và tục ngữ- sự vận dụng*, T/c Ngôn ngữ, Số 3, 1986.

3. Chu Xuân Diên, *Nghiên cứu văn hóa dân gian - phương pháp lịch sử thể loại*, Nxb GD, H., 2008.

4. Nguyễn Thiện Giáp, *Về khái niệm thành ngữ tiếng Việt*, T/c Ngôn ngữ, Số 3, 1975.

5. Lê Bá Hán - Trần Đình Sử - Nguyễn Khắc Phi, *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb GD, H., 1997.

6. Hoàng Văn Hành, *Kể chuyện thành ngữ - tục ngữ*, Nxb KHXH, H., 2002.

7. Hoàng Văn Hành, *Thành ngữ học tiếng Việt*, Nxb KHXH, H., 2004.

8. Trần Thị Ngọc Lang, *Phương ngữ Nam bộ trong tác phẩm văn học đồng bằng sông Cửu Long*, T/c Từ điển học và Bách khoa thư, Số 4, 2011.

9. Hồ Lê, *Vấn đề cấu tạo từ tiếng Việt hiện đại*, Nxb ĐH&THCN, H., 1978.

10. Đái Xuân Ninh, *Hoạt động của từ tiếng Việt*, Nxb KHXH, H., 1978.

11. Nguyễn Văn Nờ, *Tục ngữ - Ngữ cảnh và hình thức thể hiện*, T/c Ngôn ngữ, Số 2, 2007.

12. Nguyễn Văn Nờ, Dương Thị Thúy Hằng, *Thành ngữ, tục ngữ cải biến trong tác phẩm Sơn Nam*, T/c Ngôn ngữ & Đời sống, Số 11, 2010.

13. Nguyễn Văn Nờ, *Phong cách học Tiếng Việt*, Nxb ĐH Cần Thơ, Cần Thơ, 2011.

14. Nguyễn Văn Tu, *Từ và vốn từ tiếng Việt hiện đại*, Nxb ĐH & THCN, H., 1978.

15. Cù Đình Tú, *Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt*, Nxb GD, H., 2001.

16. Nguyễn Đức Tồn, Nguyễn Thị Minh Phượng, *Hiện tượng biến thể và đồng nghĩa của thành ngữ tiếng Việt*, T/c Ngôn ngữ, Số 3, 2007.